

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định về liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về đào tạo liên thông và công nhận kết quả học tập giữa các trình độ đào tạo, bao gồm: nguyên tắc liên thông; hình thức liên thông; công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ; lộ trình học tập; bảo đảm chất lượng; quản lý dữ liệu và trách nhiệm của cơ sở giáo dục.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thực hiện đào tạo liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học; người học tham gia đào tạo liên thông; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Các nội dung về tuyển sinh, tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định hiện hành đối với từng trình độ đào tạo.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nhận kết quả học tập là việc cơ sở giáo dục đánh giá và xác nhận mức độ tương đương của kết quả học tập mà người học đã tích lũy trước đó để sử dụng trong chương trình giáo dục khác của cơ sở giáo dục.

2. Học liên thông là việc người học theo học một chương trình giáo dục trên cơ sở sử dụng kết quả học tập được công nhận để hoàn thành chương trình liên thông.

3. Cùng nhóm ngành, nghề đào tạo là trường hợp chương trình đào tạo ở trình độ trước và chương trình đào tạo ở trình độ tiếp theo thuộc cùng nhóm ngành, nghề đào tạo hoặc có mức độ tương đồng đáng kể về chuẩn đầu ra, năng lực cốt lõi và nội dung chuyên môn theo quy định của cơ sở giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc liên thông

1. Bảo đảm tính liên thông, kế thừa và thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân; tạo điều kiện để người học được chuyển tiếp linh hoạt giữa các chương trình khác nhau về trình độ, hình thức và phương thức đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và định hướng học tập suốt đời.

2. Bảo đảm chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở trình độ tương ứng; việc công nhận kết quả học tập và miễn trừ khối lượng học tập phải căn cứ chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, năng lực người học và yêu cầu của ngành, lĩnh vực đào tạo.

3. Bảo đảm công bằng, minh bạch và bình đẳng trong tiếp cận cơ hội học tập, tuyển sinh, công nhận kết quả học tập và tổ chức đào tạo liên thông đối với người học, không phân biệt loại hình cơ sở giáo dục, hình thức đào tạo hoặc nơi cấp văn bằng trước đó theo quy định của pháp luật.

4. Việc công nhận kết quả học tập phải bảo đảm nguyên tắc không yêu cầu người học học lại các nội dung đã được đánh giá là đáp ứng chuẩn đầu ra hoặc năng lực tương đương.

5. Đào tạo liên thông phải được thực hiện trong hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của cơ sở giáo dục và gắn với kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật.

6. Cơ sở giáo dục thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình trong đào tạo liên thông và bảo đảm minh bạch, nhất quán, có khả năng kiểm chứng.

Điều 4. Hình thức đào tạo liên thông

1. Liên thông giữa các trình độ đào tạo bao gồm liên thông từ trình độ thấp hơn lên trình độ cao hơn và liên thông từ trình độ cao hơn để hoàn thành chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn theo nhu cầu học tập, nghề nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động.

2. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện giữa các chương trình đào tạo cùng nhóm ngành, khác nhóm ngành hoặc khác lĩnh vực đào tạo căn cứ vào chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, khối lượng học tập tích lũy và quy định chế độ đào tạo của cơ sở giáo dục.

3. Cơ sở giáo dục được tổ chức lộ trình học tập linh hoạt, học phần bổ sung, học phần chuyển đổi hoặc mô-đun năng lực để bảo đảm người học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Cơ sở giáo dục phải xác định khoảng cách năng lực và yêu cầu học phần bổ sung để bảo đảm người học đáp ứng chuẩn đầu ra.

Điều 5. Chương trình đào tạo liên thông

1. Chương trình đào tạo áp dụng cho người học liên thông là chương trình đào tạo hiện hành của ngành, nghề và trình độ đào tạo tương ứng của cơ sở giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ sở giáo dục không tổ chức chương trình đào tạo riêng làm thay đổi chuẩn đầu ra hoặc điều kiện tốt nghiệp đối với người học liên thông. Cơ sở giáo dục được thiết kế lộ trình học tập, học phần bổ sung, học phần chuyển đổi hoặc mô-đun năng lực phù hợp với kết quả học tập đã được công nhận của người học.

Điều 6. Tuyển sinh đào tạo liên thông

1. Tuyển sinh đào tạo liên thông được thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành đối với trình độ đào tạo tương ứng và các quy định tại Thông tư này.

2. Cơ sở giáo dục được quyết định phương thức tuyển sinh liên thông nhưng phải công khai tiêu chí đánh giá, điều kiện xét tuyển, nguyên tắc công nhận kết quả học tập, học phần bổ sung và trách nhiệm giải trình về chất lượng đầu vào. Việc tuyển sinh liên thông phải bảo đảm đánh giá được khả năng đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Đối với chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có yêu cầu cấp giấy phép hành nghề, lĩnh vực pháp luật và các ngành đào tạo đặc thù khác, việc tuyển sinh liên thông phải đáp ứng các điều kiện, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào và yêu cầu chuyên môn theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đối với các ngành, lĩnh vực STEM, kỹ thuật, công nghệ và ngành trọng điểm quốc gia, cơ sở giáo dục được sử dụng chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, chứng chỉ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp hoặc kết quả đánh giá năng lực làm căn cứ xét tuyển, công nhận kết quả học tập hoặc xác định học phần bổ sung.

5. Số lượng tuyển sinh đào tạo liên thông của một chương trình đào tạo được xác định theo Quy định về việc xác định số lượng tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và số lượng tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Tổ chức đào tạo liên thông

1. Đào tạo liên thông được tổ chức theo quy chế đào tạo hiện hành và các quy định tại Thông tư này.

2. Người học đã hoàn thành hoặc đạt chuẩn đầu ra đối với các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh, ngoại ngữ, tin học hoặc các năng lực tương đương được cơ sở giáo dục xem xét công nhận, miễn trừ hoặc chuyển đổi theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của cơ sở giáo dục.

3. Đối với các ngành đào tạo giáo viên, sức khỏe, pháp luật, quốc phòng, an ninh và ngành đào tạo có điều kiện khác, việc tổ chức đào tạo liên thông phải bảo đảm chuẩn năng lực nghề nghiệp, yêu cầu thực hành, thực tập, điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đối với người học đã có văn bằng ở trình độ cao hơn đăng ký học liên thông để hoàn thành chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn, cơ sở giáo dục

được tổ chức lộ trình học tập theo mô-đun, học phần chuyên sâu hoặc cụm năng lực nghề nghiệp phù hợp.

Điều 8. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Cơ sở giáo dục công nhận kết quả học tập, tín chỉ, mô-đun, năng lực nghề nghiệp, chứng chỉ chuyên môn và kinh nghiệm học tập đã được đánh giá, thẩm định để xây dựng lộ trình học tập phù hợp cho người học.

2. Việc công nhận kết quả học tập được thực hiện đối với:

a) Học phần, môn học, mô - đun hoặc tín chỉ đã hoàn thành trong chương trình đào tạo trước đó.

b) Kết quả học tập từ chương trình đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Năng lực nghề nghiệp, chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ nghề nghiệp, kinh nghiệm làm việc hoặc kết quả đánh giá năng lực có minh chứng phù hợp của các chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ phải căn cứ:

a) Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, học phần, môn học.

b) Nội dung khoa học, chuyên môn và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy.

c) Mức độ tương đồng giữa các học phần, môn học, mô - đun hoặc chương trình đào tạo.

d) Khả năng đáp ứng yêu cầu học tập ở trình độ đào tạo tiếp theo.

đ) Quy định của pháp luật và quy chế đào tạo của cơ sở giáo dục.

4. Cơ sở giáo dục quyết định:

a) Khối lượng học tập được công nhận hoặc miễn trừ của từng đối tượng cụ thể.

b) Học phần, môn học, mô đun bổ sung hoặc chuyển đổi.

c) Kế hoạch học tập của người học.

d) Thời gian đào tạo thực tế của từng đối tượng người học liên thông.

5. Cơ sở giáo dục không yêu cầu người học học lại nội dung đã được công nhận tương đương chuẩn đầu ra, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

6. Việc công nhận kết quả học tập phải bảo đảm:

a) Người học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

b) Không làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và giá trị của văn bằng.

c) Công khai, minh bạch, công bằng và có khả năng kiểm chứng.

d) Phù hợp với điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục.

7. Cơ sở giáo dục ban hành và công khai quy định nội bộ về:

a) Công nhận kết quả học tập.

b) Chuyển đổi tín chỉ.

c) Miễn trừ học phần, môn học, mô đun.

d) Đánh giá năng lực đã tích lũy trước đó.

đ) Quy trình đánh giá, thẩm định và phê duyệt.

e) Trách nhiệm giải trình và lưu trữ minh chứng.

8. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong đào tạo liên thông được thực hiện theo:

a) Quy chế đào tạo của cơ sở giáo dục.

b) Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Quy định chế đào tạo của cơ sở giáo dục.

9. Giới hạn công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

a) Cơ sở giáo dục quyết định khối lượng học tập được công nhận, miễn trừ hoặc chuyển đổi tín chỉ đối với người học liên thông trên cơ sở chuẩn đầu ra và yêu cầu của chương trình đào tạo.

b) Trường hợp áp dụng mức trần, khối lượng học tập được công nhận, miễn trừ hoặc chuyển đổi tín chỉ không vượt quá: 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo đối với trường hợp cùng nhóm ngành, nghề đào tạo; 35% đối với trường hợp khác nhóm ngành, nghề đào tạo; 25% đối với trường hợp khác lĩnh vực đào tạo.

c) Đối với các ngành, nghề đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, đào tạo giáo viên, pháp luật, quốc phòng, an ninh và các ngành đào tạo đặc thù khác, cơ sở giáo dục xác định giới hạn công nhận kết quả học tập phù hợp với yêu cầu chuyên môn và quy định của pháp luật có liên quan nhưng không vượt quá mức quy định tại khoản này.

d) Cơ sở giáo dục có trách nhiệm ban hành và công khai nguyên tắc xác định khối lượng học tập được công nhận, miễn trừ hoặc chuyển đổi tín chỉ; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng và có khả năng kiểm chứng.

đ) Đối với chương trình tích hợp hoặc chương trình đào tạo thiết kế liên thông, cơ sở giáo dục được áp dụng cơ chế công nhận kết quả học tập dựa trên kết quả đối sánh chuẩn đầu ra, đánh giá tương đương học thuật và minh chứng bảo đảm chất lượng, trách nhiệm giải trình; việc công nhận không được làm giảm chuẩn đầu ra, điều kiện tốt nghiệp và chất lượng văn bằng.

e) Người học phải hoàn thành tối thiểu 40% khối lượng học tập của chương trình đào tạo tại cơ sở giáo dục cấp bằng, trừ trường hợp chương trình tích hợp

hoặc chương trình có thỏa thuận liên thông được cơ sở giáo dục xác định khác trên cơ sở bảo đảm chuẩn đầu ra, chất lượng đào tạo và trách nhiệm giải trình.

g) Cơ sở giáo dục có trách nhiệm công nhận tối đa kết quả học tập, tín chỉ, mô-đun hoặc năng lực đã tích lũy của người học nếu đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương; không được yêu cầu người học học lại các nội dung đã được đánh giá đạt yêu cầu, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

10. Cơ sở giáo dục thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá, thẩm định và công nhận năng lực đã tích lũy.

11. Cơ sở giáo dục công bố công khai thời hạn xử lý hồ sơ công nhận kết quả học tập và thông báo kết quả cho người học trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Cơ sở giáo dục thực hiện quản trị đào tạo liên thông theo quy định của pháp luật; ban hành, tổ chức thực hiện và công khai quy định chế độ đào tạo về:

- a) Tuyển sinh đào tạo liên thông;
- b) Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ;
- c) Tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá và xét công nhận tốt nghiệp;
- d) Cấp và quản lý văn bằng;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của người học;
- e) Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan trong tổ chức đào tạo liên thông.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện bảo đảm chất lượng đào tạo liên thông và bảo đảm:

a) Người học liên thông được áp dụng thống nhất chuẩn đầu ra, điều kiện học tập, kiểm tra, đánh giá và điều kiện tốt nghiệp như đối với người học khác cùng chương trình đào tạo.

b) Việc công nhận kết quả học tập, miễn trừ học phần và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện trên cơ sở chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực đã tích lũy của người học.

c) Việc xác định học phần bổ sung, học phần chuyển đổi hoặc yêu cầu học tập bổ sung bảo đảm người học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

d) Đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng về đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, học liệu, cơ sở vật chất, cơ sở thực hành, thực tập, hệ thống quản lý đào tạo, nền tảng số và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

đ) Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, đào tạo giáo viên, pháp luật, quốc phòng, an ninh, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và các ngành đào tạo đặc thù khác, phải đáp ứng các điều kiện chuyên môn và yêu cầu bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Cơ sở giáo dục định kỳ rà soát hiệu quả đào tạo liên thông thông qua tỷ lệ hoàn thành chương trình, kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra và phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động.

4. Dữ liệu về công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ và học phần được miễn trừ phải được lưu trữ, cập nhật và sẵn sàng phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng và kết nối với cơ sở dữ liệu giáo dục quốc gia.

5. Cơ sở giáo dục thực hiện trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về:

a) Chất lượng đào tạo liên thông.

b) Tính chính xác, hợp pháp của việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

c) Việc xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng.

d) Việc công khai thông tin, thực hiện chế độ báo cáo và bảo đảm chất lượng đào tạo liên thông theo quy định của pháp luật.

6. Cơ sở giáo dục phải bảo đảm khả năng truy xuất, kiểm tra và hậu kiểm đối với toàn bộ quá trình công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

7. Người học có quyền đề nghị rà soát kết quả công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thiết lập cơ chế tiếp nhận, giải quyết đề nghị rà soát, lưu trữ minh chứng và kiểm tra nội bộ.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các khóa đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học được tuyển sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp cho đến khi hoàn thành khóa học.

2. Người học đã trúng tuyển, đang học, đang bảo lưu kết quả học tập, học lại, kéo dài thời gian đào tạo, đã được công nhận kết quả học tập hoặc đang trong quá trình xét công nhận kết quả học tập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo quy định áp dụng tại thời điểm tuyển sinh hoặc theo quy định có lợi hơn cho người học nếu cơ sở giáo dục bảo đảm chuẩn đầu ra, chất lượng đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.

3. Trường hợp quy định của Thông tư này có lợi hơn cho người học về công nhận kết quả học tập, cơ sở giáo dục được xem xét áp dụng nếu bảo đảm chuẩn đầu ra và chất lượng đào tạo.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng 7 năm 2026.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Vụ Giáo dục Đại học, Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Cục Quản lý chất lượng, các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Như Điều 12;
- Công báo: Công PLQG, CSDLQG về VBQPPL;
Công TTĐT Chính phủ, Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quân